

Số: 162/QĐ-UB

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 10 năm 1986

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành quy định về việc kiểm tra hành chính tại Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đã được Quốc hội thông qua ngày 30 tháng 6 năm 1983 ;

- Để việc kiểm tra hành chính trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đi vào nề nếp pháp luật, bảo vệ quyền làm chủ tập thể của nhân dân, bảo vệ lợi ích chính đáng của công dân, tăng cường hiệu lực quản lý của các cơ quan Nhà nước ; chống mọi hành vi xâm phạm trật tự quản lý của chính quyền địa phương và chủ động đấu tranh phòng chống tội phạm ;

- Theo đề nghị của đồng chí Giám đốc Sở Tư pháp thành phố.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay ban hành kèm theo quyết định này “Bản quy định về kiểm tra hành chính tại thành phố Hồ Chí Minh”.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các đồng chí Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận, Huyện và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
Chủ tịch**

**(đã ký)
Phan Văn Khải**

BẢN QUY ĐỊNH
VỀ VIỆC KIỂM TRA HÀNH CHÁNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 162/QĐ-UB ngày 13-10-1986
của Ủy ban nhân dân thành phố)

Để tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước, đảm bảo quyền tự do dân chủ của công dân, kịp thời phát hiện, đấu tranh khắc phục những hiện tượng vi phạm pháp luật về quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh trật tự, Ủy ban nhân dân thành phố quy định việc kiểm tra hành chính trên địa bàn thành phố như sau :

I. NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1: Nhà nước tôn trọng và bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân. Trừ trường hợp pháp luật cho phép, không cho ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được sự đồng ý của người đó.

Mọi trường hợp khám xét, kiểm tra chỗ ở của công dân phải có quyết định của cơ quan có thẩm quyền và phải thực hiện đúng thủ tục của pháp luật.

Điều 2: Việc kiểm tra hành chính phải được thực hiện một cách thận trọng và khi thật cần thiết, trên cơ sở đã xác minh chính xác có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Việc kiểm tra phải đúng đối tượng, đúng pháp luật, vừa bảo đảm hiệu quả quản lý vừa bảo đảm các quyền tự do dân chủ của công dân.

Điều 3: Công tác kiểm tra của các cơ quan Nhà nước hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành theo chức năng nhiệm vụ của mình đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, cơ quan, đơn vị trực thuộc là việc làm thường xuyên trong công tác quản lý Nhà nước, không thuộc phạm vi của quy định này.

Việc kiểm tra hàng hóa lưu thông trên thị trường được tiến hành theo Quyết định 49/QĐ-UB ngày 24-3-1986 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Việc khám xét theo các thủ tục tố tụng hình sự của các cơ quan chức năng, việc khám xét của Hải quan, Kiểm lâm, Thuế vụ, việc kiểm tra hộ khẩu của

Công an, việc kiểm tra trong các doanh trại của quân đội được tiến hành theo các quy định riêng đều không thuộc phạm vi của quy định này.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI KIỂM TRA HÀNH CHÁNH

Điều 4: Việc kiểm tra hành chính được thực hiện đối với các cơ quan Nhà nước, các tổ chức kinh tế quốc doanh, hợp doanh, tập thể và cá thể, các hộ gia đình (kể cả hộ tập thể) các nhà trọ, khách sạn, các phương tiện dùng làm chỗ ở (như tàu, thuyền, xe...) đã được xác định có dấu hiệu *vi phạm pháp luật* về kinh tế hoặc văn hóa, xã hội và trật tự trị an.

Điều 5: Việc kiểm tra hành chính được thực hiện trong các *trường hợp* sau đây :

a) Khi có vi phạm các quy định của Nhà nước về đăng ký kinh doanh, về quản lý và cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh.

b) Khi phát hiện có vi phạm các quy định về sản xuất, mua bán, tàng trữ và lưu hành các loại vật tư, hàng hóa do Nhà nước thống nhất quản lý.

c) Khi có hoạt động văn hóa văn nghệ trái phép.

Điều 6: Việc kiểm tra hành chính chỉ được thực hiện đối với nơi bán hàng, nơi sản xuất, nơi cất giấu vật tư hàng hóa phạm pháp.

Điều 7: Quyết định kiểm tra phải xác định rõ mục đích phạm vi kiểm tra và những đồ vật cần kiểm tra. Cán bộ kiểm tra không được tự tiện mở rộng phạm vi về đối tượng kiểm tra ; khi cần kiểm tra rộng hơn, phải xin lệnh viết của cơ quan đã ra quyết định kiểm tra.

III. THẨM QUYỀN VÀ THỦ TỤC KIỂM TRA HÀNH CHÁNH

Điều 8: Chỉ có Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân quận (huyện) mới có quyền ra quyết định kiểm tra hành chính theo chức năng quản lý.

Quyết định kiểm tra hành chính phải do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được ủy nhiệm phụ trách vấn đề này ký.

Điều 9: Quyết định kiểm tra hành chính phải ghi rõ: tên cơ sở (hoặc tên chủ hộ), địa chỉ bị kiểm tra, lý do kiểm tra, phạm vi kiểm tra, những đồ vật cần kiểm tra, và cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức việc kiểm tra.

Điều 10: Cơ quan, cán bộ được giao trách nhiệm kiểm tra phải tổ chức thực hiện cuộc kiểm tra đúng pháp luật và phải chịu trách nhiệm về kết quả cuộc kiểm tra.

Điều 11: Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân quận huyện chỉ ra quyết định kiểm tra sau khi xem xét đề nghị bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp, hoặc đề nghị bằng văn bản của thủ trưởng các ngành từ cấp quận huyện trở lên.

Nghiêm cấm các trường hợp ký không chỉ (ký sẵn) các quyết định kiểm tra.

Cơ quan đề nghị kiểm tra phải tổ chức xác minh đầy đủ, chặt chẽ, đảm bảo chính xác về các hoạt động trái phép của đối tượng cần phải kiểm tra và chịu trách nhiệm về đề nghị của mình.

Điều 12: Cơ quan và cán bộ kiểm tra được quyền yêu cầu các đối tượng bị kiểm tra xuất trình các giấy tờ, sổ sách theo quy định của Nhà nước *có liên quan đến cuộc kiểm tra*, có quyền yêu cầu đối tượng bị kiểm tra đưa đi xem xét nơi cần kiểm tra, có trách nhiệm đối chiếu chứng từ, hóa đơn, sổ sách hiện có với tình hình cụ thể và căn cứ vào các quy định, chế độ, thể lệ hiện hành để phát hiện vi phạm.

Điều 13: Cán bộ kiểm tra không được tự tiện đặt ra các quy định riêng để kiểm tra. Không được tự ý khám xét người, khám nhà ở, đồ vật trái pháp luật.

Phải bảo đảm nguyên tắc tập thể kiểm tra, nghiêm cấm thành viên của đoàn kiểm tra tự ý tách riêng đi kiểm tra.

Khi cần kiểm tra vật gì, nơi nào thì yêu cầu đối tượng bị kiểm tra đưa đi để xem xét. Đối tượng bị kiểm tra phải chấp hành các yêu cầu của cán bộ kiểm tra.

Điều 14: Trong khi tiến hành việc kiểm tra nếu đối tượng bị kiểm tra không chấp hành các yêu cầu của cán bộ kiểm tra kháng cự, hành hung hoặc có hành vi tiêu hủy tang vật thì cán bộ phụ trách kiểm tra được sử dụng các *biện pháp cưỡng chế* đúng pháp luật đối với người phạm pháp và tiếp tục hoàn thành cuộc kiểm tra đúng quy định.

Điều 15: Khi tiến hành kiểm tra hành chính, phải có đại diện của cơ quan đã đề nghị kiểm tra, của Ủy ban nhân dân phường, xã sở tại, của công an khu vực hoặc đại diện tổ dân phố cùng đi.

Khi kiểm tra cơ quan, đơn vị Nhà nước phải có đại diện của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp.

Điều 16: Trước khi bắt đầu kiểm tra, trưởng đoàn kiểm tra đọc quyết định kiểm tra cho đối tượng bị kiểm tra nghe và yêu cầu họ nghiêm chỉnh chấp hành quyết định kiểm tra.

Trường hợp chủ hộ đi vắng, nếu có mặt một người trong hộ đủ tuổi thành niên, có khả năng nhận thức, có khả năng điều khiển hành vi của mình, thay mặt cho chủ hộ thì vẫn tiến hành kiểm tra theo quy định.

Khi kiểm tra xong phải lập biên bản về cuộc kiểm tra, đọc lại cho mọi người cùng nghe và ký tên, trao cho đối tượng bị kiểm tra 1 bản. Nếu họ từ chối không ký tên phải ghi rõ lý do từ chối.

Điều 17: Nếu kiểm tra có phát hiện những vi phạm thì tùy theo mức độ vi phạm và thái độ của đối tượng bị kiểm tra, cơ quan kiểm tra có quyền yêu cầu họ sửa chữa, đình chỉ hành vi vi phạm hoặc niêm phong, tạm giữ những đồ vật thuộc tang vật xử lý.

Việc thu giữ, bảo quản, xử lý tang vật phải theo đúng quy định của Hội đồng Bộ trưởng và của Ủy ban nhân dân thành phố.

Nếu phát hiện có dấu hiệu phạm tội hình sự thì cơ quan đang kiểm tra phải chuyển ngay cho các cơ quan điều tra hình sự hoặc Viện Kiểm sát nhân dân để tiếp tục điều tra theo trình tự tố tụng hình sự.

Điều 18: Nghiêm cấm lợi dụng việc kiểm tra để yêu sách gây phiền hà cho nhân dân, khám xét tràn lan không đúng đối tượng, không đúng pháp luật, thu giữ những hàng hóa, tài sản của công dân không phải là tang vật phạm pháp.

Nghiêm cấm việc chiếm đoạt, sử dụng trái phép tang vật tạm giữ chờ xử lý.

Điều 19: Sau khi kiểm tra, cơ quan được giao nhiệm vụ thực hiện việc kiểm tra phải báo cáo ngay tình hình, kết quả kiểm tra, đề xuất ý kiến xử lý lên cơ quan đã ra quyết định kiểm tra.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày kiểm tra, cơ quan ra quyết định kiểm tra phải kịp thời xem xét, xử lý đúng theo pháp luật đối với các vi phạm.

Điều 20: Cơ sở bị kiểm tra nếu không đồng ý quyết định kiểm tra, hoặc không đồng ý quyết định xử lý thì có quyền khiếu nại với cơ quan đã ra quyết định. Đơn khiếu nại phải được xét và giải quyết trong thời hạn 30 ngày. Trong khi chờ đợi xét khiếu nại, cơ sở bị kiểm tra vẫn phải chấp hành quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21: Sở Tư pháp thành phố có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện quy định này và ban hành mẫu quyết định kiểm tra hành chính thống nhất ở thành phố.

ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH